

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*\*

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA**  
**HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT**

**CÔNG TRÌNH: DUY TU, SỬA CHỮA, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN**  
**ĐƯỜNG TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH XÃ PHƯỚC NĂNG (ĐƯỜNG,**  
**VIA HÈ)**

**ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHƯỚC NĂNG – TP. ĐÀ NẴNG**

**ĐƠN VỊ LẬP:**

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG VẠN TRƯỜNG AN**  
**Địa chỉ : 39 Bùi Tấn Diên - Phường Hòa Khánh – TP Đà Nẵng**

*Năm 2026*



CÔNG TY TNHH TV VÀ XD  
VẠN TRƯỜNG AN

Số: 01/2026/BCTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO KINH TẾ – KỸ THUẬT**  
Công trình: **Duy tu, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè)**  
**Địa Điểm: Xã Phước Năng, thành phố Đà Nẵng**

**Kính gửi: Phòng Kinh tế xã Phước Năng**

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Phước Năng về việc cấp bổ sung dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Phước Năng về việc Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè);

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra số 01/2026/HĐTV-TT ngày 16/01/2025 giữa Phòng Kinh tế xã Phước Năng và Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vạn Trường An về việc thực hiện Gói thầu: Thẩm tra báo cáo KTKT công trình Duy tu, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè). Sau khi xem xét, Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vạn Trường An báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

1. Tên dự án: Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè).
2. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Phước Năng
3. Loại dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình Giao thông, cấp IV.
4. Tổng mức đầu tư dự án: 5.300.000.000 đồng
5. Giá trị dự toán xây dựng: 5.300.000.000 đồng
6. Địa điểm xây dựng: Xã Phước Năng, TP. Đà Nẵng
7. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước
8. Nhà thầu khảo sát, thiết kế: Công ty TNHH MTV TV & XD Bảo Kim

## **II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

### **1. Văn bản pháp lý:**

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Phước Năng về việc cấp bổ sung dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Phước Năng về việc Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè);

Hợp đồng tư vấn thẩm tra số giữa Phòng Kinh tế xã Phước Năng và Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vạn Trường An về việc thực hiện Gói thầu: Thẩm tra báo cáo KTKT công trình Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè).

### **2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:**

Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: “Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè)” do Công ty TNHH MTV TV & XD Bảo Kim lập và Phòng Kinh tế xã Phước Năng giao cho đơn vị thẩm tra phục vụ công tác thẩm tra gồm có:

- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Bản vẽ thiết kế thi công;
- Dự toán xây dựng công trình.

### **2.2. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra:**

Hồ sơ lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật cho dự án của nhà thầu Tư vấn thiết kế.  
Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

### III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

#### 1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

- Khung tiêu chuẩn trong tập Thuyết minh và Bản vẽ hồ sơ thiết kế:

##### 1.1. Tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng:

STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy trình khảo sát đường ô tô	22TCN 263-2000
2	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
7	Đường ô tô - tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
8	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 (phần trong nhà)	96TCN 42-90
9	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 (phần ngoài trời)	96TCN 43-90

##### 1.2. Tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng:

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Thiết kế Đường ô tô	TCVN 4054-2005
2	Đường giao thông nông thôn	TCVN 10380-2014
3	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
4	Nền đường ô tô thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
5	Công tác đất thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
6	Ổng công BTCT thoát nước	TCVN 9113:2013
7	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
8	Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm	22TCN 211-06
9	Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị	TCVN 13592:2022
10	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823- 1:2017

### 1.3. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công trình:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công.	TCVN 4252:2012
2	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN9361: 2012
3	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
4	Kết cấu BT và BTCT toàn khối - Thi công và nghiệm thu	TCVN4453-1995
7	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định thời gian đông cứng và độ ổn định	TCVN 6017:1995
8	Cốt liệu bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
9	Nước trộn bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
10	Bản giao công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5640: 1991
11	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
12	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
13	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - thi công và nghiệm thu	TCVN 8859 : 2023

### 2. Nội dung, quy mô đầu tư và Giải pháp thiết kế:

- Loại công trình: Công trình giao thông, cấp IV
- Cấp đường: Căn cứ theo bảng 3 và bảng 5 tiêu chuẩn TCVN 4054-2005: (Đường ô tô - yêu cầu thiết kế) thì đường thuộc cấp VI miền núi, vận tốc thiết kế là 20km/h.

\* Bình đồ tuyến:

- Bám theo tim tuyến đường bê tông hiện trạng

\* Trắc dọc:

- Theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005: (Đường ô tô - yêu cầu thiết kế) thì độ dốc dọc  $I_{max} = 11\%$  tuy nhiên do điều kiện địa hình thực tế là phải khớp nối với các nút giao và trụ sở làm việc của xã hiện trạng nên có thể chêm chước độ dốc dọc theo hiện trạng là  $I_{max} = 19,12\%$ .

2.1. Tuyến 1:

2.1.1. Mặt đường:

- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm dài 802,79m. Trong đó:

+ Đoạn từ cọc DT1 ÷ cọc TC1 (Km0+00 ÷ Km0+10,03) (Nút giao đầu tuyến) mặt đường BTN chặt C12,5 thay đổi từ 15,1 ÷ 5,0m.

+ Đoạn từ cọc TC1 ÷ cọc A77 (Km0+10,03 ÷ Km0+802,79) mặt đường BTN chặt C12,5 rộng 5,0m.

\* Trắc ngang tuyến:

- Bề rộng mặt đường: (xem ở trên)

- Độ dốc ngang mặt đường: dốc theo đường hiện trạng

\* Kết cấu mặt đường từ dưới lên cụ thể như sau:

+ Đối với đoạn thảm chõng trên mặt đường bê tông cũ:

- Nền bê tông vệ sinh sạch

- Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>

- Rải lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh (chống nứt)  $\geq 50$  kN/m

- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm.

+ Kết cấu mặt đường đối với đoạn mở rộng:

- Lu lèn nền đường độ chặt yêu cầu K95

- Lớp giấy dầu chống thấm

- Đổ bê tông mặt đường M250 đá 1x2 dày 18cm

- Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>

- Rải lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh (chống nứt)  $\geq 50$  kN/m

- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm.

\* Chú thích: Cơ sở chọn rải lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh (chống nứt)  $\geq 50$  kN/m và rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm trên mặt đường bê tông xi măng là áp dụng theo mô hình tuyến

đường Mai Thúc Loan xã Khâm Đức đã đưa vào sử dụng nhiều năm nhưng vẫn đảm bảo, khai thác đạt hiệu quả. Tuyến đường: Duy tu, sửa chữa đường nội bộ thôn 1 xã Phước Công (đoạn từ cổng chào xã đến trường mẫu giáo liên xã Chánh - Công) cũng thiết kế theo mô hình trên đang trong quá trình thi công.

#### 2.1.2. Tuyến 2:

- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm dài 181,08m.

\* Trắc ngang tuyến:

- Bề rộng mặt đường: theo mặt đường bê tông hiện trạng (xem cụ thể trên trắc ngang chi tiết)

- Độ dốc ngang mặt đường: dốc theo đường hiện trạng

\* Kết cấu mặt đường từ dưới lên cụ thể như sau:

+ Đối với đoạn thảm chõng trên mặt đường bê tông cũ:

- Nền bê tông vệ sinh sạch

- Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>

- Rải lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh (chống nứt)  $\geq 50$  kN/m

- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm.

+ Kết cấu mặt đường khu vực cải tạo mở rộng nút giao:

- Lu lèn nền đường độ chặt yêu cầu K95

- Lớp giấy dầu chống thấm

- Đổ bê tông mặt đường M250 đá 1x2 dày 18cm

- Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>.

- Rải lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh (chống nứt)  $\geq 50$  kN/m

- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm.

#### 2.1.3. Tuyến 3:

- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm dài 187,30m. Trong đó:

+ Đoạn từ cọc DT3 ÷ cọc C12 (Km0+00 ÷ Km0+74,53) mặt đường BTN chặt C12,5 thay đổi từ 3,55 ÷ 5,33m.

+ Đoạn từ cọc C12 ÷ cọc C18 (Km0+74,53 ÷ Km0+147,79) mặt đường BTN chặt C12,5 rộng 5,0m.

+ Đoạn từ cọc C18 ÷ cọc CT3 (Km0+147,79 ÷ Km0+187,30) mặt đường BTN chặt C12,5 thay đổi từ 5,0 ÷ 10,63m.

+ Ngoài ra còn rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm nút giao đầu tuyến (Công trụ sở) và nút giao cuối tuyến (giao với tuyến 1).

\* Trắc ngang tuyến:

- Bề rộng mặt đường: (xem ở trên)
- Độ dốc ngang mặt đường: dốc theo đường hiện trạng

\* Kết cấu mặt đường từ dưới lên cụ thể như sau:

+ Đối với đoạn thảm chõng trên mặt đường bê tông cũ:

- Nền bê tông vệ sinh sạch
- Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>
- Rải lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh (chống nứt)  $\geq 50$  kN/m
- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm.

+ Kết cấu mặt đường đối với đoạn mở rộng:

- Lu lèn nền đường độ chặt yêu cầu K95
- Lớp giấy dầu chống thấm
- Đổ bê tông mặt đường M250 đá 1x2 dày 18cm
- Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>
- Rải lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh (chống nứt)  $\geq 50$  kN/m
- Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5 cm.

2.2. Rãnh thoát nước:

- Phá bỏ rãnh bê tông và rãnh xây đá hộc hình thang hiện trạng xây mới mương hộp khẩu độ B=0,5m dài 959,72m. Trong đó:

- + Mương loại 1 dài 817,2m có chiều cao tường mương không đổi H=0,5m.
- + Mương loại 2 dài 19,73m có chiều cao tường mương trung bình H=0,55m.
- + Mương loại 3 dài 38,20m có chiều cao tường mương trung bình H=0,58m.
- + Mương loại 4 dài 17,30m có chiều cao tường mương trung bình H=0,47m.
- + Mương loại 5 dài 9,51m có chiều cao tường mương trung bình H=0,71m.
- + Mương loại 6 dài 17,09m có chiều cao tường mương trung bình H=0,65m.
- + Mương loại 7 dài 4,80m có chiều cao tường mương trung bình H=0,82m.
- + Mương loại 8 dài 9,35m có chiều cao tường mương trung bình H=0,62m.
- + Mương loại 9 dài 9,54m có chiều cao tường mương trung bình H=0,66m.
- + Mương loại 10 dài 3,0m có chiều cao tường mương trung bình H=0,4m.
- + Mương loại 11 dài 14,0m có chiều cao tường mương trung bình H=0,4m.

- Mương đổ bê tông cốt thép M200 đá 1x2 dày 15cm trên lớp bê tông lót M100 đá 4x6 dày 10cm.

- Tải trọng thiết kế tấm đan 0,5HL-93

- Toàn bộ mương B=0,5m xây mới được lắp đặt 960 tấm đan BTCT M250 đá 1x2 KT (1,0\*0,8\*0,15)m.

- Khớp nối mương làm bằng giấy dầu tấm nhựa đường (2 lớp giấy dầu, 3 lớp nhựa đường).

### 2.3. Hồ thu:

Xây mới 2 hồ thu khẩu độ 1,1x1,1m để đấu nối từ mương hộp khẩu độ B=0,5m với cống qua đường. Móng và thân hồ thu đổ bê tông cốt thép M200 đá 1x2 dày 15cm trên lớp bê tông lót M100 đá 4x6 dày 10cm. Hồ thu đặt nắp đan BTCT M250 đá 1x2 KT (1,1\*1,1\*0,15)m.

### 2.4. Cống qua đường:

- Xây mới cống qua đường bằng ống cống bê tông ly tâm D600 dài 8m (loại cống qua đường H30).

- Móng cống đệm đá dăm dày 20cm.

### 2.5. Lan can thép:

- Phá bỏ lan can bằng trụ bê tông và thép ống D33,5 dày 2mm hiện trạng đã bị xuống cấp, hư hỏng.

- Xây mới lan can bằng thép dài 72,2m với kết cấu như sau: Trụ được làm bằng thép hộp (100x100x4)mm, chân cột hàn bản mã thép tấm dày 8mm, liên kết với đế cột bằng bu lông M12 dài 30cm chôn sẵn trong móng bê tông. Tay vịn trên làm bằng thép ống D88,3 dày 3mm, thanh dọc trên và dưới làm bằng thép hộp 40x80x2mm, thanh đứng làm bằng thép ống D26,65 dày 2mm. Lan can được sơn chống rỉ bằng sơn Epoxy 1 nước lót, 2 nước phủ. Móng trụ đổ bê tông M200 đá 1x2 KT (0,3x0,3x0,4)m.

### 2.6. Nền bê tông:

- Đoạn qua ngõ nhà dân do ảnh hưởng của tấm đan để thi công mương nước nên phải đổ bê tông nền hoàn trả lại với bê tông M250 đá 1x2 dày 15cm, rộng trung bình 0,5m.

- Đoạn đi theo mái ta luy sân vận động (phần hở giữa mương xây mới và ta luy bê tông đổ bê tông M250 đá 1x2 dày 15cm).

- Đoạn giao với đường bê tông và trước cổng nhà văn hoá đổ bê tông M250 đá 1x2 dày 18cm.

- Nền lót lớp giấy dầu chống thấm.

### 2.7. Cải tạo nút giao (đầu tuyến 2):

Đầu tuyến giao với đường HCM góc cua gấp gần như là vuông góc với đường Hồ Chí Minh. Vì vậy theo đề nghị của Chủ đầu tư là mở rộng nút về phía bên trái

tuyến để phương tiện giao thông cụ thể là ô tô có thể đi từ trung tâm xã ra đường HCM theo hướng về Đà Nẵng được thuận lợi có thể đi luôn chiều bên phải, đảm bảo an toàn hơn. So với khi chưa mở rộng thì ô tô thường phải lán lán không đảm bảo an toàn khi có xe ngược chiều chạy tới.

- Đào đắp san nền tạo mặt bằng, nền lu lèn đầm chặt K95 trong phạm vi từ mương hộp 0,5x0,5m đã thiết kế đến mép rãnh đường Hồ Chí Minh.

- Nền đổ bê tông M200 đá 1x2 dày 10cm trên lớp giấy dầu chống thấm.

- Xây mới bồn hoa bằng gạch không nung KT (75x115x190)mm vữa xi măng M75 dày 0,2m cao 0,65m. Móng đổ bê tông lót M100 đá 4x6 dày 10cm.

- Tường mặt giáp đất trát vữa xi măng M75 dày 1,5cm.

- Tường mặt ngoài ốp đá tẩy 10x20 dày 1,2cm.

- Mặt trên thành bồn hoa ốp đá granit màu xám đen dày 2cm.

- Xây dựng gờ chắn bê tông M200 đá 1x2 KT (2,0x0,2x0,2)m.

\* Hạng mục khác.

### **3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng**

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về giảm thuế giá trị gia tăng;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về việc “Ban hành định mức xây dựng”;

- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc công bố đơn giá vận chuyển các loại vật liệu, cấu kiện xây dựng bằng ô tô và vận chuyển thủ công trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Giá vật liệu theo Công bố giá số 10712/SXD-CLCT ngày 12/12/2025 của Sở XD Thành Phố Đà Nẵng về việc Công bố Giá các loại vật liệu chủ yếu trong

lĩnh vực đầu tư xây dựng tháng 11 năm 2025 trên địa bàn Thành Phố Đà Nẵng. Giá điện theo Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện.

- Khối lượng lập dự toán lấy theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Công ty TNHH MTV TV & XD Bảo Kim lập.

- Các văn bản pháp quy khác có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và các quy chuẩn, quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành.

### **III. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

Sau khi nhận được hồ sơ của Phòng Kinh tế xã Phước Năng. Qua xem xét, Tư vấn thẩm tra Báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

#### **1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định):**

- Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật thể hiện trên khổ giấy A3 và A4 đa phần được trình bày rõ ràng dễ đọc, cơ bản đáp ứng các yêu cầu của bản vẽ kỹ thuật xây dựng. Danh mục hồ sơ trình thẩm tra đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ.

- Hồ sơ Thiết kế xây dựng có đầy đủ chữ ký và dấu của đơn vị tư vấn thiết kế.

#### **2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại điều 80 Luật xây dựng 2014**

Hồ sơ cơ bản đầy đủ các mục theo yêu cầu của Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Các giải pháp thiết kế đưa ra hợp lý, phù hợp với quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành.

Các giải pháp về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ đầy đủ theo quy định.

Bản vẽ thiết kế: Cơ bản đáp ứng được mục tiêu của Chủ đầu tư, một số bản vẽ chưa phù hợp đã được điều chỉnh.

#### **3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:**

##### **a. Phương pháp lập dự toán được chọn so với quy định hiện hành:**

Lập theo khối lượng và đơn giá xây dựng công trình được hướng dẫn tại thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

##### **b. Các cơ sở để xác định khoản mục chi phí :**

Chi phí xây dựng: Được xác định trên cơ sở khối lượng đính kèm trong hồ sơ, giá xây dựng công trình, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng được xác định căn cứ theo các định mức chi phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

##### **c. Về đơn giá áp dụng cho công trình:**

Sử dụng bộ định mức theo thông tư 12/2021/TT-BXD, ngoài ra một số hạng mục không có đơn giá trong định mức tư vấn thiết kế đã lập đơn giá vận dụng trên các định mức gần đúng.

#### **d. Chi phí xây dựng hợp lý:**

Định mức dự toán, sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với giải pháp thiết kế của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

#### **4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra:**

- Hồ sơ Thiết kế xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè) do Công ty TNHH MTV TV & XD Bảo Kim lập về cơ bản đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

### **V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ, DỰ TOÁN**

#### **1. Kết quả thẩm tra thiết kế**

##### ***1.1. Sự phù hợp của thiết kế KTKT so với thiết kế ĐXCĐTĐT:***

Hồ sơ bước thiết kế Báo cáo kinh tế kỹ thuật cơ bản phù hợp với các quyết định giao vốn thực hiện. Các nội dung thiết kế KTKT không làm thay đổi quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và tổng mức đầu tư của dự án.

##### ***1.2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng công trình:***

Các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật: Phù hợp với tiêu chuẩn và các quy định hiện hành.

Vật liệu sử dụng cho công trình phù hợp theo các tiêu chuẩn hiện hành.

##### ***1.3. Đánh giá về an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:***

Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn cho công trình lân cận: Đảm bảo.

##### ***1.4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ:***

Không có dây chuyền và thiết bị công nghệ.

##### ***1.5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ:***

Công trình không thuộc danh mục công trình phải thẩm duyệt thiết kế PCCC theo quy định.

Công trình không thuộc danh mục công trình phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

##### ***1.6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ:***

Đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoàn thiện hồ sơ theo quy định, cung cấp đủ số lượng làm cơ sở kết luận và đóng dấu thẩm tra.

#### **2. Kết quả thẩm tra dự toán**

##### ***2.1. Đánh giá sự tuân thủ quy định của pháp luật khi xác định các thành phần chi phí của dự toán xây dựng:***

2.1.1. Đánh giá về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình: Phù hợp với quy định hiện hành.

2.1.2. Đánh giá về sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình so với nội dung tổng mức đầu tư dự án được duyệt và đặc điểm, tính chất, yêu cầu của công trình: Phù hợp với quy định hiện hành.

2.1.3. Đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình với quy định: Phù hợp với quy định hiện hành.

2.1.4. Đánh giá về cơ sở xác định các thành phần chi phí:

a) Sự phù hợp, đầy đủ của khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình: Phù hợp.

b) Cơ sở xác định đơn giá xây dựng, đơn giá thiết bị, bao gồm:

- Sự tuân thủ trong việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố: Đầy đủ, phù hợp.

- Sự phù hợp của giá các yếu tố đầu vào, đơn giá sử dụng xác định dự toán, mặt bằng giá thị trường và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng: Hợp lý.

c) Cơ sở xác định các chi phí thuộc chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác, dự phòng phí theo quy định: Phù hợp.

## **2.2. Kết quả thẩm tra dự toán:**

2.2.1. Theo các căn cứ và nguyên tắc nêu trên, giá trị dự toán xây dựng công trình: “Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè)” sau thẩm tra như sau:

Stt	Hạng mục chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng	4.686.440.000	4.683.530.000	-2.910.000
2		0	0	0
3	Chi phí QLDA	141.718.000	141.630.000	-88.000
4	Chi phí TV ĐTXD	400.760.000	400.543.000	-217.000
5	Chi phí khác	70.548.000	69.109.000	-1.439.000
6	Chi phí dự phòng	534.000	5.188.000	4.654.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.300.000.000</b>	<b>5.300.000.000</b>	<b>0</b>

- Nguyên nhân tăng, giảm:

▪ Các ý kiến của đơn vị tư vấn thẩm tra đã được đơn vị tư vấn thiết kế bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

- Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ: Không.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

##### **1. Kết luận:**

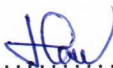
Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm hành chính xã Phước Năng (đường, vỉa hè) đã được Tư vấn thiết kế cập nhật theo các ý kiến thẩm tra và nội dung làm việc giữa các bên liên quan. Tuân thủ các yêu cầu liên quan về chủ trương, các quy định hiện hành về xây dựng.

Hồ sơ thiết kế xây, dự toán xây dựng đề nghị thẩm tra bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, an toàn công trình trong quá trình sử dụng, bảo đảm an toàn công trình lân cận và đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

**2. Kiến nghị:** Trên cơ sở kết quả thẩm tra nêu trên, đơn vị Tư vấn thẩm tra kính đề nghị Phòng Kinh tế xã Phước Năng xem xét thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán theo quy định của pháp luật hiện hành.


##### **CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN**

- **Chủ trì thẩm tra thiết kế:** Ks. Lê Văn Hậu

- Chữ ký: .....

- Chứng chỉ hành nghề: Thiết kế kết cấu công trình, hạng II theo chứng chỉ số DNA-00158644 cấp ngày 30/09/2025 do Sở Xây Dựng Thành phố Đà Nẵng cấp, có hiệu lực đến ngày 30/09/2035

- **Chủ trì thẩm tra dự toán:** Ks. Nguyễn Văn Hiệp

- Chữ ký: .....

- Chứng chỉ hành nghề: Định giá xây dựng, hạng II theo chứng chỉ số HTV-00158647 cấp ngày 05/12/2022 do Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam cấp, có hiệu lực đến ngày 05/12/2027.

##### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu Phòng KT C.ty;



**Nguyễn Văn Hiệp**